

Giá trị tài sản ròng quỹ
Net Asset Value of the Fund
(tuần từ ngày 24/07/2026 đến 30/07/2026)
(Reporting period: from July 24th, 2026 to July 30th, 2026)

1. Tên công ty quản lý quỹ: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Thiên Việt
Fund Management Company: Thien Viet Asset Management JSC
2. Tên ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành
Custodian and Supervisory Bank: Bank for Investment and Development of Vietnam JSC, Hathanh Branch
3. Tên quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 3
Name of the fund: Thien Viet Growth Fund 3 (TVGF3)
4. Mã chứng khoán/Securities code: FUCTVGF3
5. Ngày lập báo cáo: 31/07/2026
Reporting date: July 31st, 2026

Đơn vị tính/Unit: VND/%

STT No.	CHI TIÊU DESCRIPTION	KỲ BÁO CÁO REPORTING PERIOD (30/07/26)	KỲ TRƯỚC PREVIOUS PERIOD (23/07/26)
I	Giá trị tài sản ròng Net asset value (NAV)		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net asset value (NAV) at the beginning of period		
1,1	của quỹ/the fund	206.754.152.363	223.381.904.007
1,2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
1,3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10.389	11.225
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ (*) Net asset value (NAV) at the ending of period		
2,1	của quỹ /the fund	211.564.696.001	206.754.152.363
2,2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate		
2,3	của một chứng chỉ quỹ/ per Certificate	10.631	10.389
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in Which:	4.810.543.638	-16.627.751.644
3,1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ/ Change due to the fund's investment activities	4.810.543.638	-16.627.751.644
3,2	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period		
3,3	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ/ (*) Change due to the fund's income distribution for investors	0	0
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ Change in NAV per certificate during the period	242	-836
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the nearest 52 weeks		
5,1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	273.742.478.910	273.742.478.910
5,2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	206.754.152.363	206.754.152.363
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết)		
6,1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of fund certificate		
6,2	Tổng giá trị/ Total value		
6,3	Tỷ lệ sở hữu/ ownership ratio		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ quỹ Market value per certificate (closing price of the reporting day)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning value	14.600	14.600
2	Giá trị cuối kỳ Ending value	14.600	14.600
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change in market value, compared with the previous period	0	0
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của một chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ/ Difference between the unit's market price and its NAV		
4,1	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)**	3.969	4.211
4,2	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (level of discount (-)/ surplus (+))***	37,33%	40,53%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/ Lowest market value within the nearest 52 weeks		
5,1	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest value (VND)	16.500	16.500
5,2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	13.700	13.700

Lưu ý/Notes: * Ngày 08/07/2026, Quỹ TVGF3 đã chốt danh sách chi trả 19,900,800,000 đồng lợi tức bằng tiền năm 2025 cho Nhà Đầu Tư (1,000 đồng/Chứng chỉ quỹ)./In 08th July 2026, TVGF3 made the record list of investor for paying 2025 cash dividend of VND 19,900,800,000 (VND 1,000 1 fund certificate);
** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV cùng thời điểm)/Defined by the differences (market price – NAV at the same period);
*** Được xác định bằng chênh lệch (Giá thị trường – NAV)/NAV/Defined by the ratio (market value – NAV)/NAV

Dại diện cho thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory bank
CHÍNH HÀNH
HÀ THÀNH
Khu vực Đông
Phó Giám đốc phòng GD&DV Chứng khoán

Dại diện cho thẩm quyền của Công ty Quản lý quỹ
Authorised Representative of Fund management
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
THIỆN VIỆT
QUẬN 3 - T. PHỐ CHÍ MINH
Nguyễn Duy Quang
Giám đốc quản lý quỹ/Asset Management Director